



běn piàn

本片

noun phrase · this film

Example Sentences

běn piàn jiǎng shù le yī gè gǎn rén de gù shì
本片讲述了一个感人的故事。

This film tells a touching story.

běn piàn dǎo yǎn shì yī wèi xīn rén dàn zuò pǐn fēi cháng chū sè
本片导演是一位新人，但作品非常出色。

The director of this film is a newcomer, but the work is very outstanding.

Trace each character, then write the word on your own.

本 本 本 本 本 本 本 本

片 片 片 片 片 片 片